

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/LĐ-PT
Ngày: 06/01/2022
V/v tranh chấp đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Dung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lưu - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2021/TLPT - LĐ ngày 23 tháng 9 năm 2021 về việc: “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 1172/2021/LĐ-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2022/QĐ – PT ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông C, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp CK, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Công ty P

Địa chỉ: Số 186 đường H, phường TĐ, Thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông D

Địa chỉ: 211N MV đường VCC, phường PH, Thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 12/6/2021 của Công ty P)

- *Người kháng cáo:* Công ty P là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ông C trình bày:

Ông C bắt đầu làm việc tại Công ty CP Tư vấn và Quản lý tài sản NCP Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty P Việt Nam) từ ngày 01/7/2019 theo Hợp đồng lao động số 02/HĐLD/NCP ngày 01/7/2019, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Theo thỏa thuận của hợp đồng lao động, Ông C đảm nhận chức danh chuyên môn: Quản lý Hành chính – Nhân sự, thời gian làm việc 08 giờ/ngày x 5,5 ngày/tuần, tổng mức lương và phụ cấp là 12.000.000 đồng. Ngoài ra, hai bên thỏa thuận chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Quá trình làm việc, Ông C không vi phạm gì. Ngày 04/9/2020, Công ty P Việt Nam ra Thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 02/TB-NCP/2019 ngày 04/9/2019. Ông C không thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty P Việt Nam và có yêu cầu phía Công ty phải thanh toán cho Ông C đầy đủ chế độ theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động nhưng Công ty P Việt Nam không thực hiện. Ông C xác nhận Công ty P Việt Nam đã chỉ trả đủ các khoản tiền cho đến hết ngày 19/10/2019. Nay Ông C yêu cầu hủy Quyết định số 02/TB-NCP/2019 ngày 19/10/2019 và buộc Công ty P Việt Nam chi trả cho Ông C các khoản tiền sau đây:

- Tiền lương trong những ngày người lao động không được làm việc từ ngày 20/10/2019 đến thời điểm xét xử (ngày 11/5/2021), tương ứng với số tiền 224.400.000 đồng.

- Hai tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: 12.000.000 đồng x 02 tháng = 24.000.000 đồng.

- Trả tiền bảo hiểm cho Ông C đầy đủ.

Ngoài ra, Ông C không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn là Công ty CP Tư vấn và Quản lý tài sản NCP Việt Nam có ông L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông C bắt đầu làm việc từ ngày 01/7/2019 tại Công ty P Việt Nam theo Hợp đồng lao động số 02/HĐLD-NCP ngày 01/7/2019, loại hợp đồng không xác

định thời hạn. Theo thỏa thuận của hợp đồng lao động, Ông C đảm nhận chức danh chuyên môn: Quản lý Hành chính – Nhân sự, thời gian làm việc 08 giờ/ngày x 5,5 ngày/tuần, tổng mức lương và phụ cấp là 12.000.000 đồng. Ngoài ra, hai bên thỏa thuận chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tể, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Sau quá trình làm việc, Ông C và Công ty P Việt Nam thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Ngày 04/9/2019, Công ty P Việt Nam ra Thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 02/TB-NCP/2019. Ngày 05/9/2019, Ông C ký văn bản xác nhận về việc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, Ông C không bàn giao công việc theo yêu cầu của Công ty P Việt Nam và đã tự ý nghỉ việc mà không xin phép, đồng thời Ông C đã làm việc cho doanh nghiệp khác. Ngày 19/10/2019, Công ty P Việt Nam ra quyết định số 02/TB-NCP/2009 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với Ông C do thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Công ty P Việt Nam đã trả đủ lương và các chế độ khác cho Ông C đến hết ngày 19/10/2019. Công ty P Việt Nam không chấp nhận yêu cầu của Ông C và không có yêu cầu gì.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 1172/2021/LĐ-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố TP, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

- Điều 41, 42 và Điều 125 Bộ Luật lao động;

- Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự;

Xử

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ông C:

- 1.1. Hủy Quyết định số 02/TB-NCP/2019 ngày 19/10/2019 của Công ty cổ phần Tư vấn và Quản lý tài sản NCP Việt Nam.

- 1.2. Buộc Công ty cổ phần Tư vấn và Quản lý tài sản NCP Việt Nam phải trả cho Ông C tổng số tiền 248.400.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng), bao gồm:

- Tiền lương trong những ngày không được làm việc: 224.400.000đồng.
- Hai tháng tiền lương theo hợp đồng lao động: 24.000.000đồng.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Buộc Công ty cổ phần Tư vấn và Quản lý tài sản NCP Việt Nam liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội để nộp bảo hiểm xã hội cho Ông C trong thời gian từ tháng 11/2019 đến thời điểm xét xử (ngày 11/5/2021) trên cơ sở mức lương 12.000.000 đồng/tháng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho bên được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Công ty cổ phần Tư vấn và Quản lý tài sản NCP Việt Nam phải nộp án phí lao động sơ thẩm là 7.452.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng). Công ty CP Tư vấn và Quản lý tài sản NCP Việt Nam chưa nộp án phí. Ông C không phải chịu tiền án phí.

Ngoài ra Tòa án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 25/5/2021, Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 1172/LĐ-ST của Tòa án nhân dân Thành phố TP

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông D là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần Tư vấn và Quản lý tài sản NCP Việt Nam trình bày:

Công ty và Ông C đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng với Ông C. Trên thực tế, trong quá trình làm việc, Ông C thường xuyên không hoàn thành nhiệm vụ nhưng vì suy nghĩ cho người lao động nên Công ty vẫn nêu lý do chấm dứt hợp đồng lao động là do hai bên thỏa thuận. Mặc dù vẫn còn trong thời hạn báo trước nhưng Ông C đã tự ý nghỉ việc và đi làm tại doanh nghiệp khác. Gần một năm sau khi nghỉ việc, Ông C mới khởi kiện đến Tòa án. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn Ông C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào Giấy ủy quyền ngày 16/11/2020 thì ông L chỉ được bị đơn ủy quyền làm việc với Tòa án nhân dân Quận 2 theo nội dung giấy triệu tập đương sự ngày 10/11/2020. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại chấp nhận Giấy ủy quyền này để xác định ông L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm là không đúng quy định, có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phía bị đơn Công ty cổ phần Tư vấn và Quản lý tài sản NCP Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày giữa Công ty và Ông C đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Chứng cứ Công ty đưa ra là Thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 02/TB-NCP/2019 ngày 04/9/2019, trong đó có nêu rõ: “Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 36 Bộ luật lao động. Thời gian kể từ ngày ra thông báo đến hết ngày 18/10/2019”. Ngày 05/9/2019 Ông C ký văn bản xác nhận về việc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng. Ông C đã không bàn giao công việc, tự ý nghỉ việc khi chưa đến thời hạn ngày 18/10/2019. Mặc dù vậy phía Công ty vẫn trả đủ tiền lương và các chế độ khác cho Ông C đến hết ngày 19/10/2019. Ông C cũng đã đi làm cho nhiều doanh nghiệp khác, bằng chứng là Ông C thường xuyên có nhắn tin mời bà Trần Thị Huệ Chi là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty tham dự đầu tư bất động sản tại Tập đoàn Trường Tiền.

[2] Sau khi xem xét các tài liệu do bị đơn cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 02/TB-NCP/2019 ngày 04/9/2019 có nêu lý do “Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 36 Bộ luật lao động”. Vào ngày 05/9/2019, Ông C đã viết và

ký tên vào bản ý kiến với nội dung: "...Vào ngày 04/9/2019, ông có nhận Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động. Thời gian báo trước Ông C đồng ý đúng theo pháp luật về lao động. Các chế độ về quyền lợi ông yêu cầu Công ty thực hiện theo Điều 42 Bộ luật Lao động, nghĩa vụ khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động...".

Như vậy, tại bản ý kiến này chỉ thể hiện sự đồng ý của Ông C về thời gian báo trước của Công ty khi chấm dứt hợp đồng lao động; không có sự xác nhận nào về việc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Ông C còn nêu rõ yêu cầu Công ty phải thực hiện các chế độ về quyền lợi cho ông theo Điều 42 của Bộ luật Lao động. Mà Điều 42 của Bộ luật Lao động quy định về nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Việc Công ty cho rằng Ông C không tiến hành bàn giao công việc, tự ý nghỉ việc khi chưa đến ngày 18/10/2019, đã đi làm tại doanh nghiệp khác... không phải là cơ sở để xác định Ông C đã đồng ý thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Công ty trình bày Ông C không hoàn thành nhiệm vụ nhưng cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh; Công ty cũng không tiến hành thủ tục xử lý gì với Ông C về việc này. Ông C đã thể hiện rõ ý kiến vào ngày 05/9/2019 rằng Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông. Ngày 19/10/2019 Công ty ban hành Quyết định số 02/TB-NCP/2019 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với Ông C. Ngày 19/8/2020 Ông C nộp đơn khởi kiện đến Tòa án để giải quyết tranh chấp với Công ty về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện pháp luật quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía Công ty cũng thừa nhận đã không chặt chẽ về mặt thủ tục khi chấm dứt hợp đồng lao động với Ông C.

Từ những nhận định nêu trên, không có cơ sở để xác định giữa Công ty và Ông C đã có sự thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Cấp sơ thẩm nhận định Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với Ông C là có căn cứ, đúng quy định.

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo nội dung Giấy ủy quyền ngày 16/11/2020, bà Trần Thị Huệ Chi là người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền cho ông L làm việc với Tòa án nhân dân Quận 2 (nay là Tòa án nhân dân Thành phố TP), theo nội dung của giấy triệu tập đương sự ngày 10/11/2020. Ông L có trách nhiệm báo cáo lại toàn

bộ sự việc khi làm việc tại Tòa án với Hội đồng quản trị Công ty. Thời gian kể từ ngày 16/11/2020 cho đến khi kết thúc sự việc nêu trên hoặc có văn bản ủy quyền khác thay thế.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt ông L tham dự. Ông L trình bày xác định ông được Công ty ủy quyền tham gia tố tụng, đại diện cho Công ty trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Những lời trình bày của ông L đều là ý kiến của bà Chi là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Sau các buổi làm việc, hòa giải, xét xử sơ thẩm, ông L đều báo kết quả giải quyết với bà Chi. Bà Chi là người đại diện Công ty ký đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung bản án sơ thẩm, sửa án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định Công ty không có ý kiến gì đối với việc ông L tham gia phiên tòa sơ thẩm với tư cách người đại diện theo ủy quyền của Công ty. Những lời trình bày của ông L cũng thống nhất với ý kiến của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Công ty không kháng cáo, thắc mắc hay khiếu nại gì về việc đại diện của ông L. Tại cấp phúc thẩm, Công ty đã ủy quyền cho người đại diện mới. Do đó việc hủy án là không cần thiết vì sẽ kéo dài thời gian giải quyết vụ án, gây thiệt hại cho các đương sự.

[4] Về giải quyết hậu quả của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa sơ thẩm, Ông C không yêu cầu Công ty nhận ông trở lại làm việc; do đó cần xác định hợp đồng lao động giữa Ông C và Công ty chấm dứt vào ngày xét xử sơ thẩm 11/5/2021. Cấp sơ thẩm áp dụng Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 2012 buộc Công ty phải trả cho Ông C tiền lương trong những ngày ông không được làm việc từ ngày 20/10/2019 đến ngày 11/5/2021 và bồi thường hai tháng tiền lương theo mức lương 12.000.000 đồng/tháng, tổng cộng số tiền 248.400.000 đồng là có cơ sở, đúng quy định.

Đối với việc cấp sơ thẩm buộc Công ty phải nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho Ông C theo mức lương 12.000.000 đồng/tháng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại Hợp đồng lao động số 02/HĐLĐ-NCP ngày 01/7/2019, Ông C và Công ty đã thỏa thuận mức lương tổng là 12.000.000 đồng/tháng. Trong đó mức lương tham gia BHXH, BHYT, BHTN là 5.000.000 đồng; hỗ trợ ăn trưa 730.000 đồng; hỗ trợ xăng xe 1.500.000 đồng; hỗ trợ tiền nhà ở 3.000.000 đồng; hỗ trợ tiền điện thoại 570.000 đồng; hỗ trợ tiền đồng phục 400.000 đồng; tiền thưởng sáng kiến 800.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 2.3 Điều 6 Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế thì thu nhập tính đóng BHXH bắt buộc không bao gồm các khoản chế độ và phúc lợi như: tiền thưởng sáng kiến, tiền ăn giữa ca, các khoản hỗ trợ xăng xe, điện thoại, đi lại, nhà ở...

Như vậy, khoản thu nhập tính đóng BHXH bắt buộc của Ông C chỉ có 5.000.000 đồng/tháng, các khoản còn lại là thu nhập không tính đóng BHXH bắt buộc. Do đó Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên buộc Công ty và Ông C cùng có trách nhiệm đóng các khoản bảo hiểm theo mức lương 5.000.000 đồng/tháng.

[5] Về án phí phúc thẩm: Phía Công ty không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 41, 42, 125 của Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 2.3 Điều 6 Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần Tư vấn và Quản lý tài sản NCP Việt Nam.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông C:

1.1. Xác định Công ty cổ phần Tư vấn và Quản lý tài sản NCP Việt Nam đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với Ông C.

1.2. Hủy Quyết định số 02/TB-NCP/2019 ngày 19/10/2019 của Công ty cổ phần Tư vấn và Quản lý tài sản NCP Việt Nam về việc chấm dứt hợp đồng lao động với Ông C.

1.3. Hợp đồng lao động số 02/HĐLĐ-NCP ngày 01/7/2019 giữa Công ty cổ phần Tư vấn và Quản lý tài sản NCP Việt Nam với Ông C chấm dứt vào ngày 11/5/2021.

1.4. Công ty cổ phần Tư vấn và Quản lý tài sản NCP Việt Nam phải trả cho Ông C tổng số tiền 248.400.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng), trong đó bao gồm tiền lương trong những ngày Ông C không được làm việc từ ngày 20/10/2019 đến ngày 11/5/2021 và hai tháng tiền lương do Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.5. Công ty cổ phần Tư vấn và Quản lý tài sản NCP Việt Nam cùng Ông C có trách nhiệm liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội để nộp các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho Ông C trong thời gian từ ngày 20/10/2019 đến ngày 11/5/2021 theo mức lương 5.000.000 đồng/tháng.

2. Về án phí lao động:

Công ty cổ phần Tư vấn và Quản lý tài sản NCP Việt Nam phải nộp án phí lao động sơ thẩm là 7.452.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Công ty cổ phần Tư vấn và Quản lý tài sản NCP Việt Nam không phải nộp án phí lao động phúc thẩm, trả lại cho Công ty số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0028777 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố TPĐ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân Thành phố TĐ;
- Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố TĐ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kim Dung